

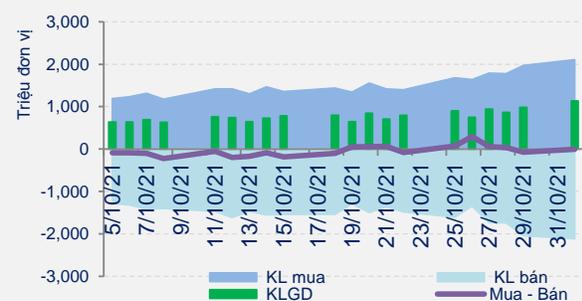
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/11/2021

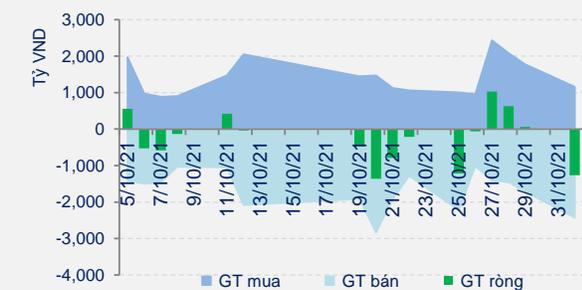
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,438.97	415.54
% Thay đổi	↓ -0.37%	↑ 0.83%
KLGD (CP)	1,132,276,276	176,279,508
GTGD (tỷ đồng)	33,692.50	4,421.08
Tổng cung (CP)	2,112,880,100	233,478,900
Tổng cầu (CP)	2,106,817,300	228,653,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	58,123,250	950,150
KL mua (CP)	29,805,950	426,820
GT mua (tỷ đồng)	1,160.35	10.61
GT bán (tỷ đồng)	2,425.97	34.22
GT ròng (tỷ đồng)	(1,265.63)	(23.61)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.29%	24.0	3.8	1.9%
Công nghiệp	↑ 0.18%	21.0	3.1	12.8%
Dầu khí	↓ -0.98%	18.4	2.1	2.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.76%	-	6.3	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.53%	17.8	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.61%	22.5	4.2	9.2%
Ngân hàng	↓ -0.04%	11.4	2.2	13.5%
Nguyên vật liệu	↓ -1.24%	14.0	3.0	21.1%
Tài chính	↑ 0.16%	18.7	3.4	33.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.68%	17.7	3.3	2.7%
VN - Index	↓ -0.37%	17.2	3.0	
HNX - Index	↑ 0.83%	23.0	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên đầu tuần với thanh khoản ở mức cao. Cụ thể, VN-Index giảm 5,3 điểm (+0,37%) lên 1.438,97 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 254 mã tăng, 33 mã tham chiếu, 251 mã giảm. HNX-Index tăng 3,42 điểm (+0,83%) lên 415,54 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 160 mã tăng, 48 mã tham chiếu, 117 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.265 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 36.110 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhưng áp lực bán gia tăng từ cuối phiên chiều trở đi đã khiến chỉ số VN-Index kết phiên trong sắc đỏ. Ở rổ VN30, có đến 20/30 cổ phiếu là giảm trong phiên hôm nay, có thể kể đến như KDH (-3,9%), MSN (-3,6%), TPB (-3,2%), PDR (-3%), PNJ (-2,8%), GAS (-2,6%), HPG (-2,5%), VJC (-1,5%), VHM (-1,4%), VPB (-1,3%)... đã kéo chỉ số VN30 (-1,02%) giảm khá mạnh. Ở chiều ngược lại, chỉ có 7/30 cổ phiếu trong nhóm này là kết phiên ở mức giá xanh như POW (+3,6%), CTG (+2,2%), SSI (+2,2%)... Cổ phiếu ngành chứng khoán thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh như SSI (+2,2%), VCI (+6,1%), VND (+3,7%), SHS (+4,9%), HCM (+3,4%), MBS (+4,9%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng vẫn hút được dòng tiền tốt với DIG (+6,9%), FLC (+2,9%), TCH (+5,6%), ITA (+5,6%), CII (+2%), HQC (+6,4%), ASM (+2,9%), NBB (+7%), IDJ (+10%), LDG (+6,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng cho thấy áp lực bán ra là khá mạnh nhưng lực cầu đối ứng cũng là tương đối tốt đã giúp cho chỉ số VN-Index chỉ giảm nhẹ. Khối ngoại quay trở lại bán ròng với gần 1.300 tỷ đồng trên hai sàn phần nào đó cũng tạo nên áp lực điều chỉnh trên thị trường. Tuy giảm trong phiên hôm nay nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) nên khả năng để hồi phục trong các phiên tiếp theo để hướng đến các ngưỡng cao mới là vẫn còn. Tuy nhiên, trên đường tăng điểm sẽ có những phiên rung lắc và điều chỉnh khi lượng chốt lời gia tăng. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 2/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng đến mục tiêu tiêu theo là ngưỡng 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm trong phiên 28/10 có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.451,81 điểm. Nhưng về cuối phiên, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.435,57 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 5,3 điểm (-0,37%) xuống 1.438,97 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN giảm 5.400 đồng, HPG giảm 1.400 đồng, GAS giảm 3.200 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG tăng 700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 420,42 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,42 điểm (+0,83%) lên 415,54 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: VIF tăng 1.900 đồng, SHS tăng 1.900 đồng, L14 tăng 19.900 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 3.500 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.266,93 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 22,2 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 225,2 tỷ đồng tương ứng với 4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 163,8 tỷ đồng tương ứng với 2,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 57,2 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 23,49 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 523 nghìn cổ phiếu. VCS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 6,3 tỷ đồng tương ứng với 49,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là THD với 5,7 tỷ đồng tương ứng với 23,8 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, L14 là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 782 triệu đồng tương ứng với 3,7 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PMI tháng 10 đạt 52.1 điểm, các điều kiện kinh doanh cải thiện

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng trở lại lên trên ngưỡng trung tính 50 điểm trong tháng 10 khi đạt 52.1 điểm, sau khi chỉ đạt 40.2 điểm trong tháng 9.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:





TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,65 - 58,3 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 9 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 1/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.140 VND/USD, tăng 9 đồng so với cuối tuần qua.

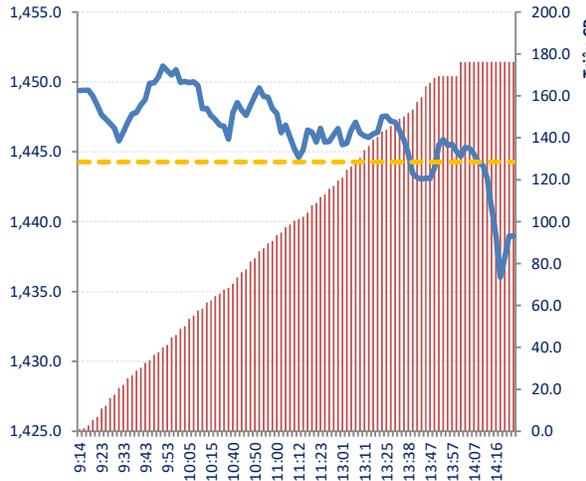
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 1,3 USD/ounce tương ứng với 0,07% lên 1.785,15 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,032 điểm tương ứng 0,03% lên 94,153 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1568 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3655 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,27 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,12 USD/thùng tương ứng với 0,14% lên 83,69 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/10, Dow Jones tăng 89,08 điểm tương đương 0,25% lên 35.819,56 điểm. Nasdaq tăng 50,27 điểm tương đương 0,33% lên 15.498,39 điểm. Nasdaq Composite tăng 8,96 điểm tương đương 0,19% lên 4.605,38 điểm.

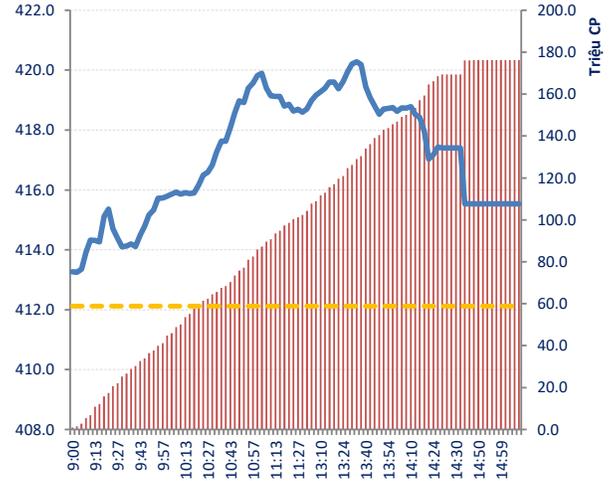


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

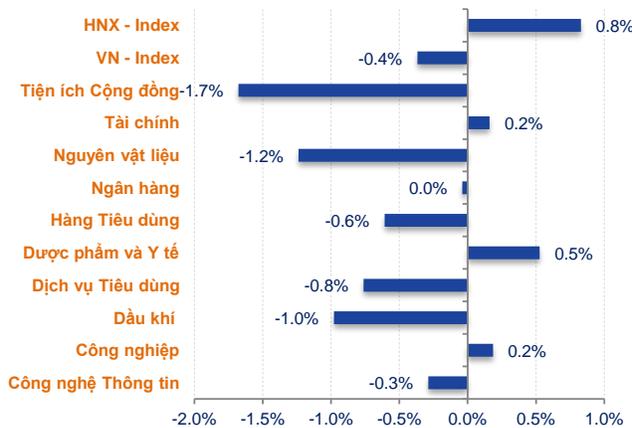
KLGD và VN-Index trong phiên



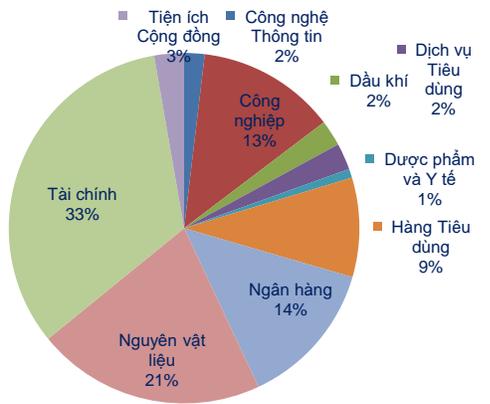
KLGD và HNX-Index trong phiên



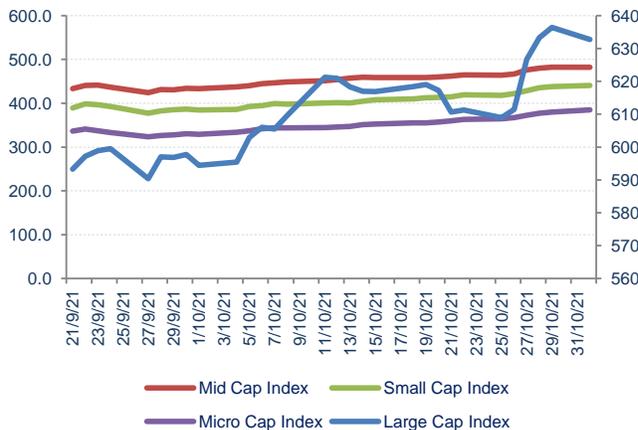
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



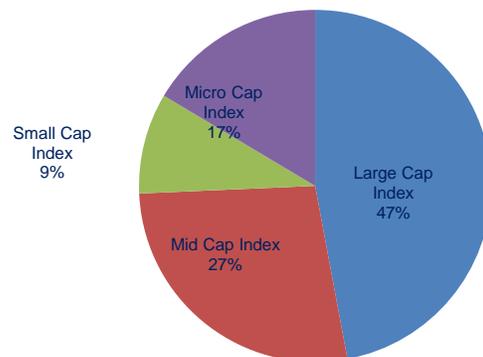
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,782,000	HPG	4,000,300
2	STB	1,580,500	SSI	3,777,600
3	ROS	739,400	NLG	2,758,900
4	NTL	545,200	PAN	2,338,400
5	FLC	478,900	VRE	2,299,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CEO	25,200	IVS	164,100
2	VIG	24,600	VCS	49,900
3	TMB	22,700	NDX	35,100
4	PRE	21,300	CMS	34,600
5	NBC	18,700	LAS	31,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	57.10	55.70	↓ -2.45%	45,918,500
HQC	5.35	5.69	↑ 6.36%	34,112,200
POW	12.65	13.10	↑ 3.56%	32,971,900
HAG	5.15	5.51	↑ 6.99%	29,931,400
ITA	8.52	9.00	↑ 5.63%	29,042,183

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	38.50	40.40	↑ 4.94%	12,126,398
PVS	30.30	29.40	↓ -2.97%	11,636,504
CEO	12.30	12.10	↓ -1.63%	7,689,203
KLF	4.90	5.10	↑ 4.08%	6,951,314
NDN	24.30	23.60	↓ -2.88%	5,882,869

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BCE	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
HAG	5.15	5.51	0.36	↑ 6.99%
TTB	9.15	9.79	0.64	↑ 6.99%
IDI	8.59	9.19	0.60	↑ 6.98%
VIX	22.20	23.75	1.55	↑ 6.98%

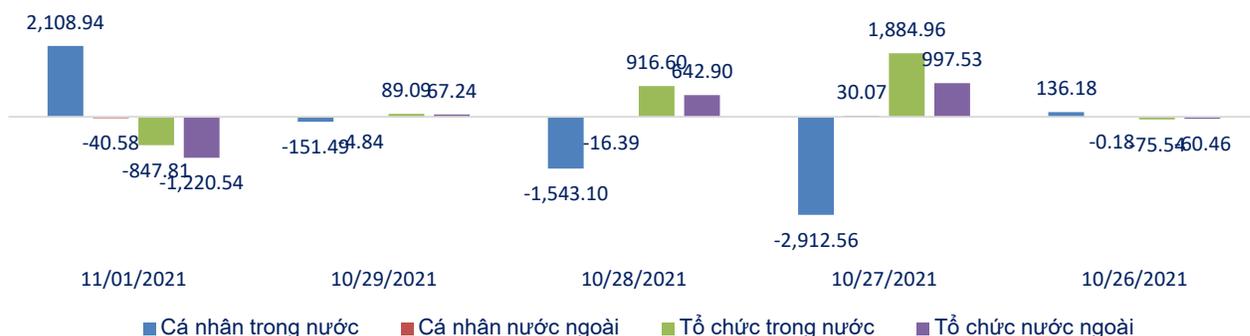
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IPA	71.30	83.60	12.30	↑ 17.25%
HHC	74.00	81.40	7.40	↑ 10.00%
NDX	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
L14	199.00	218.90	19.90	↑ 10.00%
IDJ	56.10	61.70	5.60	↑ 9.98%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	25.20	23.45	-1.75	↓ -6.94%
TNC	34.60	32.20	-2.40	↓ -6.94%
VFG	54.70	51.00	-3.70	↓ -6.76%
PTC	11.10	10.40	-0.70	↓ -6.31%
SMA	11.05	10.50	-0.55	↓ -4.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPC	24.20	21.80	-2.40	↓ -9.92%
ADC	27.00	24.60	-2.40	↓ -8.89%
L35	6.00	5.50	-0.50	↓ -8.33%
VE8	12.30	11.30	-1.00	↓ -8.13%
NFC	15.30	14.10	-1.20	↓ -7.84%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	367.23	39.5%	5,614	10.2	3.5
SSI	321.69	16.5%	2,053	19.7	2.3
VND	170.82	34.3%	5,169	11.0	2.6
NLG	168.92	13.6%	4,688	12.4	1.5
MSN	163.66	8.4%	2,032	74.2	5.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-77.88	18.1%	3,439	9.2	1.6
VCB	-47.71	20.6%	5,533	17.7	3.5
IMP	-37.46	11.1%	2,894	25.5	2.8
FLC	-29.36	15.4%	2,364	5.1	0.9
ACB	-22.04	24.9%	3,599	9.2	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PHR	4.27	21.0%	5,034	12.1	2.5
HPG	3.11	39.5%	5,614	10.2	3.5
SZC	2.83	20.9%	2,793	22.2	4.4
VSC	2.63	14.2%	5,842	12.1	1.6
HID	2.43	-0.2%	(26)	-	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	-7.67	13.7%	3,649	11.4	1.4
SSI	-7.46	16.5%	2,053	19.7	2.3
MSN	-7.01	8.4%	2,032	74.2	5.5
NLG	-6.90	13.6%	4,688	12.4	1.5
MBB	-5.60	20.3%	2,943	9.7	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	48.72	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	47.30	12.9%	3,258	33.5	4.0
IMP	37.46	11.1%	2,894	25.5	2.8
FLC	23.37	15.4%	2,364	5.1	0.9
ACB	22.04	24.9%	3,599	9.2	2.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-166.31	16.5%	2,053	19.7	2.3
HPG	-142.58	39.5%	5,614	10.2	3.5
VND	-89.91	34.3%	5,169	11.0	2.6
DCM	-77.11	15.8%	1,952	17.1	2.6
GEX	-62.31	10.6%	1,814	15.4	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	57.28	18.1%	3,439	9.2	1.6
STB	46.22	11.1%	1,864	14.3	1.5
VCB	38.75	20.6%	5,533	17.7	3.5
VCI	29.31	24.5%	3,456	18.5	4.0
NTL	24.29	24.8%	4,877	9.1	2.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-227.76	39.5%	5,614	10.2	3.5
NLG	-157.01	13.6%	4,688	12.4	1.5
SSI	-147.92	16.5%	2,053	19.7	2.3
VNM	-121.16	31.9%	5,109	17.8	5.5
MSN	-116.49	8.4%	2,032	74.2	5.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	45,918,500	39.5%	5,614	10.2	3.5
HQC	34,112,200	3250.0%	9	588.3	0.6
POW	32,971,900	7.5%	1,006	12.6	0.9
HAG	29,931,400	-15.2%	(1,448)	-	0.9
ITA	29,042,183	1.6%	187	45.7	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,126,398	25.5%	3,182	12.1	1.8
PVS	11,636,504	4.4%	1,187	25.5	1.1
CEO	7,689,203	-4.7%	(606)	-	1.0
KLF	6,951,314	0.1%	6	806.3	0.5
NDN	5,882,869	28.9%	3,986	6.1	1.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BCE	↑ 7.0%	13.6%	1,599	12.5	1.8
HAG	↑ 7.0%	-15.2%	(1,448)	-	0.9
TTB	↑ 7.0%	1.8%	190	48.2	0.9
IDI	↑ 7.0%	3.4%	447	19.2	0.6
VIX	↑ 7.0%	37.3%	4,287	5.2	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
IPA	↑ 17.3%	59.1%	15,333	-	-
HHC	↑ 10.0%	7.5%	2,099	35.3	2.7
NDX	↑ 10.0%	7.5%	983	11.2	0.9
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	100.1	12.1
IDJ	↑ 10.0%	19.6%	2,314	24.2	5.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,782,000	18.1%	3,439	9.2	1.6
STB	1,580,500	11.1%	1,864	14.3	1.5
ROS	739,400	3.1%	326	17.2	0.5
NTL	545,200	24.8%	4,877	9.1	2.4
FLC	478,900	15.4%	2,364	5.1	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	25,200	-4.7%	(606)	-	1.0
VIG	24,600	-2.5%	(137)	-	1.7
TMB	22,700	14.4%	2,520	9.2	1.3
PRE	21,300	14.9%	1,882	11.5	1.7
NBC	18,700	14.2%	1,786	13.1	1.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	372,298	38.3%	8,968	9.5	3.1
VIC	364,540	4.5%	1,600	59.9	2.3
VCB	363,470	20.6%	5,533	17.7	3.5
HPG	255,404	39.5%	5,614	10.2	3.5
GAS	238,287	16.9%	4,384	28.4	4.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	81,900	33.9%	6,555	35.7	14.4
KSF	22,350	8.8%	779	95.7	3.7
IDC	22,230	11.3%	1,684	44.0	4.7
VCS	20,528	41.5%	11,163	11.5	4.3
BAB	16,418	8.6%	979	22.3	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.44	22.7%	3,586	17.3	3.5
VOS	2.07	54.5%	2,573	9.7	3.8
DRH	2.06	2.8%	395	61.2	1.7
IJC	2.05	23.5%	3,643	9.2	2.2
HAX	1.96	15.7%	1,889	13.4	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.66	5.2%	820	73.6	4.3
VHE	2.41	0.3%	39	229.6	0.9
SGC	2.07	16.9%	3,114	22.5	3.5
APS	2.06	22.8%	1,876	18.5	3.1
VDL	2.01	4.7%	645	32.7	1.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
